

Bản án số: **566/2025/DS – ST**
Ngày: 27 - 6 - 2025
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Sao

2. Ông Đỗ Quang Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Thành – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 205/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 760/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 983/2025/QĐST-DS ngày 10/6/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số A đường số A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trọng C, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số B L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(tại phiên tòa: Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông C có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 23/01/2025; Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Minh T trình bày:

Ngày 22/4/2024, tại Văn phòng C1, quận B, ông và ông Nguyễn Trọng C có ký Hợp đồng vay tiền. Theo đó, ông đã cho ông Nguyễn Trọng C vay số tiền là 68.000.000 đồng, không tính lãi suất, thời hạn vay là 06 tháng (có kèm theo biên nhận nhận tiền cùng ngày). Theo hợp đồng, ông Nguyễn Trọng C có nghĩa vụ phải trả cho ông số tiền 3.000.000 đồng vào ngày 14 dương lịch hàng tháng. Số tiền còn lại là 53.000.000 đồng sẽ được trả toàn bộ vào ngày cuối cùng của kỳ hạn vay. Mục đích của việc vay số tiền này là để chính ông Nguyễn Trọng C dùng vào mục đích kinh doanh.

Từ khi ký kết hợp đồng đến nay, ông Nguyễn Trọng C vẫn chưa thanh toán cho ông được khoản tiền nào theo như thoả thuận.

Đến ngày 25/5/2024, cũng tại Văn phòng C1, ông tiếp tục ký Hợp đồng vay và cho ông Nguyễn Trọng C vay số tiền 98.995.000 đồng (có kèm theo biên nhận tiền cùng ngày). Thời hạn vay kể từ ngày 14/3/2024 đến hết ngày 14/9/2024, không tính lãi suất. Bên cạnh đó, trong hợp đồng vay này, hai bên có thỏa thuận về thời điểm ông Nguyễn Trọng C phải trả lại tiền cho ông như sau:

- + Đợt 1: 25.000.000 đồng, vào ngày 14/6/2024
- + Đợt 2: 25.000.000 đồng, vào ngày 14/7/2024
- + Đợt 3: 25.000.000 đồng, vào ngày 14/8/2024
- + Đợt 4: 23.995.000 đồng, vào ngày 14/9/2024

Đến ngày 14/6/2024 là hạn thanh toán đợt 1, ông Nguyễn Trọng C chỉ trả cho ông 15.000.000 đồng và hứa số tiền còn lại sẽ chuyển bù sau nhưng không cụ thể ngày. Đến hạn thanh toán đợt 2 vào ngày 14/7/2024, ông C cũng chậm trả và thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán.

Tính đến hết ngày 04/12/2024, ông C đã hoàn trả cho ông tổng số tiền gốc là 47.000.000 đồng, đều bằng hình thức chuyển khoản, vào các thời điểm sau:

- + Đợt 1: 15.000.000 đồng, vào ngày 15/06/2024;
- + Đợt 2: 9.000.000 đồng, vào ngày 22/06/2024;
- + Đợt 3: 8.000.000 đồng, vào ngày 23/07/2024;
- + Đợt 4: 3.000.000 đồng, vào ngày 18/09/2024.
- + Đợt 5: 2.000.000 đồng, vào ngày 25/09/2024.
- + Đợt 6: 5.000.000 đồng, vào ngày 26/10/2024.
- + Đợt 7: 5.000.000 đồng, vào ngày 04/12/2024.

Tổng số tiền mà ông Nguyễn Trọng C còn nợ ông theo hai hợp đồng vay tiền nêu trên là: 68.000.000 đồng + 98.995.000 đồng – 47.000.000 đồng = 119.995.000 đồng.

Ngày 09/5/2024, ông T nộp đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Trọng C phải trả lại cho ông tổng cộng số tiền gốc của hai hợp đồng vay là: 119.995.000 đồng, không yêu cầu ông C trả tiền lãi. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T trình bày, số tiền mà ông cho ông C vay là tiền của cá nhân ông, ông sống độc thân. Do khi vay tiền, ông C nói với ông mục đích vay là để ông C kinh doanh cá nhân nên ông chỉ yêu cầu một mình ông Nguyễn Trọng C trả nợ.

- Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Trọng C trình bày như sau:

Ông xác nhận có ký kết các hợp đồng vay và nhận số tiền như nguyên đơn trình bày. Quá trình vay, ông chỉ trả cho nguyên đơn số tiền gốc của hợp đồng vay ngày

25/5/2024 tổng cộng số tiền là 47.000.000 đồng đều bằng hình thức chuyển khoản với số tiền và thời gian trả đúng như ông T trình bày.

Do việc kinh doanh gặp nhiều khó khăn và có thời gian ông bị bệnh nên không có khả năng trả nợ đúng thời gian và số tiền như đã thỏa thuận với ông T.

Số tiền đã mượn của ông T theo 02 hợp đồng vay tiền nêu trên ông dùng vào việc kinh doanh của cá nhân ông, vợ của ông là bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1987 không sử dụng số tiền này nên ông yêu cầu Tòa án không triệu tập vợ ông đến tòa để tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ông sẽ một mình trả nợ cho nguyên đơn.

Nói thêm về việc kinh doanh của cá nhân ông như sau: Ngày 14/3/2024, ông, ông Nguyễn Minh T và bà Trần Thị Trúc L có ký kết với nhau Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HDHTKD với thời hạn hợp tác là 40 ngày. Theo như thỏa thuận trong hợp đồng, ông T và ông mỗi người góp số tiền 76.150.000 đồng (ông T chuyển tiền cho ông, sau đó ông đứng ra đưa tiền cho bà Trần Thị Trúc L (không có chứng từ, chỉ có tin nhắn qua lại). Đồng thời, theo thỏa thuận phân chia kết quả hoạt động kinh doanh thì sau khi hoàn thành dự án (40 ngày kể từ ngày 14/3/2024, tức ngày 23/4/2024) thì ông và ông T mỗi người sẽ nhận được cả vốn lẫn lời là 92.023.333 đồng. Tuy nhiên đến thời hạn giao hẹn trên cả ông và ông T không nhận được tiền từ bà L. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền còn nợ là 119.995.000 đồng theo 02 Hợp đồng vay tiền ngày 24/4/2024 và 25/5/2025; biên nhận nhận tiền ngày 25/5/2024 và 22/4/2024 thì ông đồng ý một mình trả số tiền này cho ông T nhưng do tình trạng sức khỏe chưa hồi phục hoàn toàn nên ông mong ông T tạo điều kiện cho ông tiếp tục trả dần phần gốc, mỗi tháng 1.000.000 đồng – 2.000.000 đồng, trả vào ngày 18-20 hàng tháng (tùy theo tình trạng kinh tế của ông đến khi hết nợ), tháng nào có nhiều ông sẽ trả nhiều hơn.

Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải để đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không thành, do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ *Về thủ tục tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định, Tòa án tuân thủ quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời

hạn, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng theo quy định. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

+ *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và nghe ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và tư cách tham gia tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

Xét nguyên đơn ông Nguyễn Minh T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Trọng C trả số tiền gốc còn nợ theo Hợp đồng vay tiền hai bên đã ký kết ngày 24/4/2024 và ngày 25/5/2024, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số B L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về tư cách tham gia tố tụng của đương sự:

Căn cứ theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, ông Nguyễn Minh T là nguyên đơn; ông Nguyễn Trọng C là bị đơn là hoàn toàn phù hợp.

Do tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, nguyên đơn căn cứ vào Hợp đồng vay tiền + biên nhận nhận tiền cùng ngày 24/4/2024 và Hợp đồng vay tiền + biên nhận nhận tiền cùng ngày 25/5/2024, khởi kiện yêu cầu cá nhân bị đơn trả số tiền còn nợ là 119.995.000 đồng. Tranh chấp này không ảnh hưởng đến nghĩa vụ, quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị Trúc L nên Hội đồng xét xử không đưa bà L tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Những tranh chấp giữa các đương sự nêu trên nếu có phát sinh sẽ có quyền khởi kiện trong vụ án khác khi có yêu cầu.

Đối với bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số B L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (là vợ của bị đơn), quá trình giải quyết vụ án, bà N có bản tự khai trình bày bà không tham gia vào việc kinh doanh của ông C, ông C và bà cũng không sử dụng số tiền mà ông C đã vay mượn của ông T và việc chi tiêu, sinh hoạt gia đình, yêu cầu Tòa án không triệu tập bà tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, bà xin vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày này của bà N phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn nên không đưa bà L tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự:

Ngày 10/6/2025, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định.

[3]. Về tính pháp lý của Hợp đồng vay:

Xét Hợp đồng vay tiền ngày 24/4/2024 và Hợp đồng vay tiền ngày 25/5/2024 đã ký giữa nguyên đơn và bị đơn có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 116 về giao dịch dân sự; Điều 117 về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự; Điều 119 về hình thức giao dịch dân sự và Điều 463 về hợp đồng vay tài sản của Bộ luật dân sự năm 2015. Các bên tham gia giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, các điều khoản của hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, hợp đồng trên là hợp pháp, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[4.1] Về yêu cầu thanh toán số tiền gốc còn nợ là 119.995.000 đồng:

Xét Hợp đồng vay tiền + biên nhận nhận tiền cùng ngày 24/4/2024 và Hợp đồng vay tiền + biên nhận nhận tiền cùng ngày 25/5/2024 thể hiện giữa ông Nguyễn Minh T với ông Nguyễn Trọng C có thỏa thuận vay tiền, bị đơn có nhận tiền vay và hiện tại còn nợ nguyên đơn tổng số tiền là 119.995.000 đồng. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là 119.995.000 đồng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi.

[4.3] Về thời hạn thanh toán:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Bị đơn ông Nguyễn Trọng C thừa nhận có ký các Hợp đồng và nhận số tiền vay như nguyên đơn trình bày. Ông C đồng ý một mình trả số tiền còn nợ là 119.995.000 đồng cho nguyên đơn theo phương án trả dần phần gốc, mỗi tháng 1.000.000 đồng – 2.000.000 đồng, trả vào ngày 18-20 hàng tháng (tùy theo tình trạng

kinh tế của ông đến khi hết nợ), tháng nào có nhiều ông sẽ trả nhiều hơn cho đến khi thanh toán dứt nợ. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu gây thiệt hại đến quyền lợi chính đáng của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét chấp nhận đề nghị của bị đơn.

[6]. Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Nguyễn Trọng C phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Trọng C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 5.999.750 đồng.

Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 2.999.875 đồng cho ông Nguyễn Minh T theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0045871 ngày 19/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[8] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 116; 117; 119; Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T.

Buộc ông Nguyễn Trọng C có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Minh T tổng số tiền gốc còn nợ là 119.995.000 (một trăm mười chín triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn) đồng (theo Hợp đồng vay tiền ngày 24/4/2024 số công chứng 003422, quyền số 04/2024 TP/CC-SCC/HĐGD và Hợp đồng vay tiền ngày 25/5/2024 số công chứng 004639, quyền số 05/2024 TP/CC-SCC/HĐGD mà hai bên đã ký kết tại Văn phòng C1, địa chỉ số G L, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Ghi nhận việc ông Nguyễn Minh T không yêu cầu ông Nguyễn Trọng C phải trả tiền lãi.

Thời hạn thanh toán: Một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngay sau khi bị đơn hoàn tất nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn thì Hợp đồng vay tiền ngày 24/4/2024 số công chứng 003422, quyền số 04/2024 TP/CC-SCC/HĐGD và Hợp đồng vay tiền ngày 25/5/2024 số công chứng 004639, quyền số 05/2024 TP/CC-SCC/HĐGD mà hai bên đã ký kết tại Văn phòng C1, địa chỉ số G L, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (bản chính do ông Nguyễn Minh T đang giữ) không còn giá trị.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Trọng C phải chịu 5.999.750 (năm triệu chín trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 2.999.875 (hai triệu chín trăm chín mươi chín nghìn tám trăm bảy mươi lăm) đồng cho ông Nguyễn Minh T theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0045871 ngày 19/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND TP . HCM;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Lưu VP, hồ sơ (An Thành)./.

Nguyễn Kiều Oanh